**TUẦN 2: LỊCH SỬ:**

**TIẾT 3 - BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ**

**I. ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH**

Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở quan sát và tính toán quy luật di chuyển của Mặt Trăng,Trái Đất, Mặt Trời để tính thời gian và làm ra lịch.

- Cóhai cách làm lịch:

+ Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.

+ Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.

**II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN**

**-** Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là Công lịch.

 +Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền Chúa Giê-xu (Jesus, người sáng lập đạo Thiên chúa) ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN)

- Theo Công lịch: 1 năm có 12 tháng hay 365 ngày( năm nhuận thêm 1 ngày)

 + 10 năm là 1 thập kỉ

 + 100 năm là 1 thế kỉ.

 + 1000 năm là 1 thiên niên kỉ.

- Hiện nay, ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong văn bản của nhà nước. Tuy nhiên, âm lịch vẫn được sử dụng rộng rãi trong nhân dân

**--------------------------------------------------------------------------------------------------**

**CHƯƠNG 2. THỜI KÌ NGUYÊN THỦY**

**TIẾT 4- BÀI 3: NGUỒN GỐC CỦA LOÀI NGƯỜI**

**I. QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA TỪ VƯỢN NGƯỜI THÀNH NGƯỜI**

- Cách đây khoảngtừ 6 triệu đến 5 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là *Vượn người*

- *Người tối cổ*:

+ Thời gian xuất hiện: khoảng 4 triệu năm trước

+ Đặc điểm: thoát khỏi đời sống leo trèo, có khả năng đi đứng bằng 2 chân, thể tích não lớn hơn (850 – 1100cm3)

+ Biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động

+ Nơi tìm thấy di cốt: Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu...

- *Người tinh khôn:*

+ Thời gian xuất hiện: 150.000 năm trước

+ Đặc điểm: có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, thể tích sọ não lớn( 1450cm3), tư duy phát triển.

+ Nơi tìm thấy di cốt: ở khắp các châu lục.

🡪Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đã hoàn thành.

---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**ĐỊA 6- TUẦN 2**

**CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

**BÀI 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ**

**I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến**

**1. Kinh tuyến**

- Kinh tuyến là nửa đường tròn nối cực Bắc với cực Nam, có độ dài bằng nhau.

- Kinh tuyến gốc đi qua đài thiên văn Grin-Uych (Anh), được đánh số 0.

- Kinh tuyến gốc cùng với kinh tuyến 1800 chia quả địa cầu thành hai nửa cầu: nửa cầu Đông và nửa cầu Tây.

**2. Vĩ tuyến**

- Vĩ tuyến là những đường tròn bao quanh quả địa cầu, song song với đường xích đạo.

- Vĩ tuyến gốc được đánh số 0 còn gọi là đường Xích đạo (0°), chia quả địa cầu thành hai nửa cầu: nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam.

**II. Tọa độ địa lí**

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.

- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ từ Xích đạo đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

- Kinh độ và vĩ độ của một điểm được gọi chung là toạ độ địa lí của điểm đó.

- Cách viết : A (vĩ độ, kinh độ) hoặc A (vĩ độ ở trên, kinh độ ở dưới).

- Khi biết tọa độ địa lí, ta có thể xác định được vị trí của bất kì địa điểm nào trên Trái Đất.

**III. Lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới**

- Muốn vẽ bản đồ, người ta phải chuyển bề mặt cong của Trái Đất lên mặt phẳng thông qua các phép chiếu.

- Các phép chiếu sẽ cho ra các lưới kinh, vĩ tuyến khác nhau.